

Số: 2399/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1392/QĐ-BKHĐT ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *eh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở KH&ĐT, BQL khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trung tâm CNTT (để đưa tin, cập nhật lên Cổng TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, VP (THKS) *M.02*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc



DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2399/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *Chu*

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
I	Đầu tư tại Việt Nam, Đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, Xúc tiến đầu tư								
1	Báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư	Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam	- Cơ quan đăng ký đầu tư - Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký đầu tư		X		X		- Điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 102 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
2	Báo cáo về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư	Cơ quan đăng ký đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		X		X		- Điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm a khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
3	Báo cáo đánh giá tình hình đầu tư cả năm, dự kiến kế hoạch thu hút và giải ngân vốn đầu tư của năm sau, danh mục dự án đầu tư đang có nhà đầu tư quan tâm	Cơ quan đăng ký đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				X		- Điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm b khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
4	Báo cáo về tình hình đầu tư trên địa bàn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X		X		Điểm c khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020
5	Báo cáo đánh giá về tình hình tiếp nhận hồ sơ, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Khoản 2 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
6	Báo cáo đánh giá tình hình đầu tư cả năm, dự kiến kế hoạch thu hút và giải ngân vốn đầu tư của năm sau, danh mục dự án đầu tư đang có nhà đầu tư quan tâm thuộc phạm vi quản lý	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Khoản 2 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
7	Báo cáo tình hình cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm a khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
8	Báo cáo các chỉ tiêu về tình hình xuất, nhập khẩu, tình hình tài chính, các khoản nộp ngân sách nhà nước của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm a khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
9	Báo cáo về tình hình cấp, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động và kết quả hoạt động của các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm b khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
10	Báo cáo về tình hình cấp, điều chỉnh, chấm dứt và kết quả hoạt động đối với các chi nhánh và công ty luật	Bộ Tư pháp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm c khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
11	Báo cáo về tình hình cấp, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động và kết quả hoạt động đối với các hiện diện thương mại của các công ty tài chính và tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X				<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
12	Báo cáo về tình hình đăng ký, cấp phép cho lao động nước ngoài tại tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm đ khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
13	Báo cáo về tình hình chuyển giao công nghệ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm e khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
14	Báo cáo tình hình giao, cho thuê và sử dụng đất của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài nguyên và Môi trường 				X		<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm g khoản 3 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
15	Báo cáo về tình hình thực hiện nghĩa vụ về tài chính của các nhà đầu tư đối với Nhà nước Việt Nam; tổng hợp, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài và tình hình quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		<ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm c khoản 2 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
16	Báo cáo về tình hình chuyển ngoại tệ từ Việt Nam ra nước ngoài (trước và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài) và tình hình chuyển ngoại tệ từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến các dự án đầu tư ra nước ngoài	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		<ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
17	Báo cáo về tình hình hỗ trợ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động đầu tư của Việt Nam tại quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư	Bộ Ngoại giao	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		<ul style="list-style-type: none"> - Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 4 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
18	Báo cáo về tình hình đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp và năng lượng	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm c khoản 5 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
19	Báo cáo về tình hình đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tại các dự án đầu tư ở nước ngoài	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 6 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
20	Báo cáo tình hình quản lý đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhiệm vụ quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Điểm a khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 7 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
		Cơ quan đại diện chủ sở hữu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 1, khoản 2 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 71 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
21	Báo cáo tình hình hỗ trợ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động đầu tư của Việt Nam tại địa bàn quản lý	Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao (để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư)				X		Điểm b khoản 8 Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
22	Báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư	Nhà đầu tư	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư		X		X		Điểm b khoản 3 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020
23	Báo cáo tiến độ thực hiện đối với dự án đang trong quá trình đầu tư; về hiệu quả đầu tư đối với dự án đang hoạt động	Nhà đầu tư (đối với dự án đầu tư ra nước ngoài có sử dụng vốn nhà nước)	Cơ quan đại diện chủ sở hữu			X	X		- Điểm d khoản 3 Điều 73 Luật Đầu tư năm 2020 - Điểm d khoản 3 Điều 29 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
24	Báo cáo việc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; chương trình xúc tiến đầu tư của ngành, địa phương	Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Khoản 1 Điều 103 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
II	Triển khai và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa								
25	Báo cáo tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Điểm c khoản 5 Điều 28, khoản 7 Điều 29 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
26	Báo cáo hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	- Doanh nghiệp có hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo - Công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
27	Báo cáo kết quả và tình hình hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính				X		Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP
III	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)								
28	Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP	- Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		- Khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 92, khoản 3 Điều 93 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư - Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
IV	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức								
29	Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Cơ quan chủ quản	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính			X	X		Điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 50 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài
30	Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Các bộ, ngành và địa phương	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính				X		Khoản 9 Điều 13 Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
V	Quản lý nhà nước về doanh nghiệp								
31	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính				X		Khoản 4 Điều 18 Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ
32	Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh quản lý trong năm trước liền kề	- Bộ Quốc phòng; - Bộ Công an	Thủ tướng Chính phủ (đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)				X		Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
									quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.
VI	Quản lý nhà nước về đấu thầu								
33	Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ, cơ quan ngang bộ; - Cơ quan thuộc Chính phủ; - Cơ quan khác ở trung ương; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Các doanh nghiệp nhà nước; - Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu. 	Bộ Kế hoạch và Đầu					X	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 9 Điều 78, điểm k khoản 2 Điều 79 và khoản 4 Điều 85 Luật Đấu thầu năm 2023. - Khoản 3 Điều 135 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
VII	Kế hoạch đầu tư công								
34	Báo cáo kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương hằng năm, danh mục và mức vốn bố trí của từng dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ, cơ quan trung ương - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính 				X		Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công
35	Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ, cơ quan trung ương - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính 					<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ - Cuối kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 70 Luật Đầu tư công năm 2019 - Điểm a, b khoản 1 Điều 45 và điểm a khoản 2 Điều 50 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP
36	Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ, cơ quan trung ương - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính 	X	X	X	X		<ul style="list-style-type: none"> - Điều 70 Luật Đầu tư công năm 2019 - Điểm c khoản 1 Điều 45 và điểm a khoản 2 Điều 50 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
37	Báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	- Thủ tướng Chính phủ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư	X	X		X	- Giữa kỳ - Cuối kỳ	Điểm a khoản 2 Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP
38	Báo cáo chi tiết giải ngân kế hoạch vốn đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương	Bộ Tài chính	- Thủ tướng Chính phủ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư			X	X	- Giữa kỳ - Cuối kỳ	Điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP
IX	Quản lý nhà nước về hoạt động quy hoạch								
39	Báo cáo về hoạt động quy hoạch	- Bộ, cơ quan ngang Bộ - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X	05 năm	- Khoản 1 Điều 48, Điều 49 Luật Quy hoạch năm 2017 - Điều 6 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
X	Giám sát, đánh giá đầu tư								
40	Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Điểm a khoản 2 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư
41	Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư ra nước ngoài	Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Điểm b khoản 2 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP
42	Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ (đối với các chương trình, dự án đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công)	- Chủ chương trình, chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công - Nhà đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công	- Người có thẩm quyền quyết định đầu tư - Cơ quan chủ quản - Đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư			X	X		Điểm a khoản 4, điểm a khoản 6 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
43	Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư do mình quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ chương trình, chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công - Nhà đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền quyết định đầu tư - Cơ quan chủ quản - Đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư 				X		Điểm đ khoản 4, điểm d khoản 6 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP
44	Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ (đối với các dự án PPP)	Nhà đầu tư thực hiện dự án PPP	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan ký kết hợp đồng dự án - Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư 			X	X		Điểm a khoản 7 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
45	Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ (đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác)	Nhà đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan đăng ký đầu tư - Cơ quan đầu mối thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của địa phương nơi thực hiện dự án đầu tư 			X	X		Điểm a khoản 8 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP
46	Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ (đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài)	Nhà đầu tư các dự án đầu tư ra nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Bộ Tài chính - Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 			X	X		Điểm a khoản 9 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Cơ sở pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
			<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính - Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư 						
47	Báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng	Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã		X				Điểm a khoản 10 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP
48	Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp tỉnh 				X		Điểm b khoản 10 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
49	Báo cáo kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				X		Điểm c khoản 10 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP
IX	Khác								
50	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bộ, ngành có thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				X		Điểm d khoản 2 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Stt	Chế độ báo cáo	Đối tượng báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất báo cáo					Căn cứ pháp lý quy định chế độ báo cáo
				Hàng tháng	Hàng quý	6 tháng	Hàng năm	Khác	
51	Báo cáo xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; hoạt động của dự án đầu tư; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		X		X		Điểm n khoản 2 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế
52	Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong Vùng Thủ đô - Các bộ, cơ quan liên quan	Văn phòng Hội đồng điều phối vùng Thủ đô (để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô)				X		Điều 25 Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô